TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - QN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh Pc

Bản án số: 01/2025/ HNGĐ - ST
Ngày 12/8/2025
Về việc "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - QN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Bà Lê Thị Diếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Thanh Thúy.
2. Bà Nguyễn Thị Ánh Nga.

- *Thư ký phiên toà*: Ông Trần Tiến Dũng - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 5 - QN.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 5 - QN, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2025/TLST- HNGĐ ngày 29/4/2025 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST - HNGĐ, ngày 02/6/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2025/QĐST - HNGĐ ngày 18/6/2025 của TAND huyện NH; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 01/TB - TA ngày 15/7/2025 của Toà án nhân dân Khu vực 5 - QN, giữa các đương sự*:*

Nguyên đơn: **Chị Huỳnh Thị T**, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Đội 6, Thôn ĐA, xã Đình C, tỉnh QN. (Trước là Đội 6, Thôn ĐA, xã Hành P, huyện NH, tỉnh QN)

Bị đơn**: Anh Phạm Ngọc H,** sinh năm 1980

Địa chỉ: Đội 6, Thôn ĐA, xã Đình C, tỉnh QN. (Trước là Đội 6, Thôn ĐA, xã Hành P, huyện NH, tỉnh QN

Chị T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Anh H vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Huỳnh Thị T trình bày:*

Chị T và anh H quen nhau tự nguyện rồi đến với nhau, có tổ chức lễ cưới theo Ph tục tập quán vào năm 2002 nhưng đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Hành P, huyện NH, tỉnh QN (Nay là xã Đình C, tỉnh QN). Trong quá trình chung sống có những bất đồng nên cuộc sống không hạnh Pc. Chị T và anh

H đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Nay chị T xét thấy tình cảm với anh H đã không còn, không thể hàn gắn nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Phạm Ngọc H.

Về con chung: có 02 con chung tên Phạm Ngọc P, sinh ngày 05/02/2007 và Phạm Thị Thu Ph, sinh ngày 26/01/2003. Hiện nay hai con đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

-Án phí: Theo quy định của pháp luật.

** Theo các tài liệu có trong hồ sơ tại bản tự khai Phạm Ngọc H trình bày:*

Anh H và chị T tự nguyện tìm hiểu rồi đến với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hành P vào năm 2004. Quá trình chung sống có mâu thuẫn nhưng không đến nổi phải ly hôn. Anh H không đồng ý ly hôn. Vì anh H thường xuyên vắng nhà nên Tòa án muốn giải quyết sao thì giải quyết anh H sẽ không tham gia.

-Về con chung: có 02 con chung tên Phạm Ngọc P, sinh ngày 05/02/2007 và Phạm Thị Thu Ph, sinh ngày 26/01/2003. Hiện nay hai con đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung: Không yêu cầu.

-Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với anh Phạm Ngọc H, anh H có nơi cư trú ở xã Hành P, huyện NH, tỉnh QN, (Nay là xã Đình C, tỉnh QN) do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5- QN theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị T và anh H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hành P, huyện NH, tỉnh QN (nay là xã Đình C, tỉnh QN) vào năm 2004, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị T có yêu cầu ly hôn nên Toà án nhân dân huyện NH (Nay là TAND Khu vực 5) - QN đã thụ lý là đúng quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Chị T vắng mặt và đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H đã không còn hạnh Pc. Chị T và anh H đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay không có quan tâm nhau. Việc chị Huỳnh Thị T yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ. Anh Phạm Ngọc H không đồng ý ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn chưa đến mức ly hôn, Tòa án cứ giải quyết theo yêu cầu của chị T. Tòa án đã có Thông báo để chị T, anh H đến hòa giải nhưng anh H vắng mặt không đến tham gia phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giải quyết cho chị Huỳnh Thị T được ly hôn với anh Phạm Ngọc H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung tên Phạm Ngọc P, sinh ngày 05/02/2007 và Phạm Thị Thu Ph, sinh ngày 26/01/2003. Hiện nay hai con đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

[7] Về nợ chung: không có.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227 Điều 228; Điều 260, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5; khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị T.

1.Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị T được ly hôn anh Phạm Ngọc H.

2. Về con chung: Không giải quyết.

3. Tài sản chung: Không giải quyết.

4. Nợ chung: Không có.

5.Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Huỳnh Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào số T tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị T đã nộp tại Biên lai thu T tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0004200 ngày 28/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NH, tỉnh QN (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 - QN).

6.Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7

và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh QN;
- VKSND Khu vực 5 - QN;
- THADS tỉnh QN;
- UBND xã Đình C;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Lê Thị Diếu